

Bản án số: 356/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/4/2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Kim H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 347A LHP, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 347A LHP, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 350/46 347A LHP, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Trương Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào có đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân Phường P, Quận H, Thành phố

Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, khác nhau về quan điểm sống nên cũng có xảy ra cãi vã, xung đột. Hai bên đã không sống chung từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống, bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/7/1995 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 20/12/1996. Các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông S có một căn nhà mua bằng giấy tờ tay vào năm 2007, không có công chứng, chứng thực. Căn nhà này chưa được cấp giấy chủ quyền, mà chỉ có giấy kê khai năm 1999; được cấp số nhà là 350/347A LHP, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông S thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung. Ông xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có quan điểm trái ngược nhau, thường xuyên gây gổ nên cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Ông đã nhiều lần tìm cơ hội đề hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý và cấm cản ông đến thăm vợ con. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/7/1995 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 20/11/1996. Các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông S xác định ông và bà H có một căn nhà mua bằng giấy tờ tay, không có công chứng, chứng thực. Nhà này chưa được cấp giấy chủ quyền, mà chỉ có giấy kê khai năm 1999 được cấp số nhà là 350/46 Lưu Hữu Phước, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông yêu cầu để ông và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà H không cùng mượn nợ của ai, ông không có cùng bà H ký giấy mượn nợ của ai. Còn bà H mượn nợ riêng của ai thì ông không biết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận trong thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ lâu; đồng thời con chung cũng xác nhận và mong muốn cha mẹ ly hôn để ổn định cuộc sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trương Kim H và ông Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn, bà H yêu cầu ly hôn với ông S, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn là ông Nguyễn Văn S đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Trích lục kết hôn số 183/TLKH-BS ngày 10/4/2019 của Ủy ban nhân dân Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của bà H và ông S về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1994, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình; mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể kéo dài cuộc sống chung, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Bà H xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông S. Ông S không đồng ý ly hôn bà H với lý do là còn thương vợ con, và ông cho rằng cả hai đã lớn tuổi nếu ly hôn thì ông sẽ mất tất cả tình cảm gia đình và tài sản. Tuy nhiên, ông S cũng xác nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đã phát sinh từ rất lâu, thời gian cả hai sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay; ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ ông không đồng ý cho ông cơ hội.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã phát sinh từ rất lâu, cả hai mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai bên đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tình trạng này cũng phù hợp với lời xác nhận của con chung. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/7/1995 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 20/11/1996.

Do con chung đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H và ông S xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông S cùng xác định không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Kim H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S (Giấy chứng nhận kết hôn số 100 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/1994).

- Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/7/1995 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 20/11/1996. Các con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trương Kim H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0046069 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường P, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga